

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: *11* /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tiền Giang, ngày 16 tháng 3 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 08 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện;

Căn cứ Nghị quyết số 96/2014/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, như sau:

#### **1. Đối tượng chịu phí:**

Đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đã đăng ký lưu hành (có giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe), bao gồm: xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là xe mô tô).

## **2. Các trường hợp miễn phí:**

Miễn phí sử dụng đường bộ đối với những trường hợp sau đây:

a) Xe mô tô của lực lượng công an, quốc phòng;

b) Xe mô tô của chủ phương tiện thuộc các hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về hộ nghèo, theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có).

## **3. Người nộp phí:**

Tổ chức, cá nhân sở hữu; sử dụng hoặc quản lý phương tiện (sau đây gọi chung là chủ phương tiện) thuộc đối tượng chịu phí theo quy định tại khoản 1 Điều này là người nộp phí sử dụng đường bộ.

## **4. Mức thu phí:**

a) Xe mô tô loại có dung tích xy lanh đến 100 cm<sup>3</sup>: 50.000 đồng/năm/xe mô tô;

b) Xe mô tô loại có dung tích xy lanh trên 100 cm<sup>3</sup>: 110.000 đồng/năm/xe mô tô.

## **5. Khai, nộp phí:**

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) là cơ quan thu phí đối với xe mô tô của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân (chủ phương tiện) trên địa bàn.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cho áp, khu phố hướng dẫn chủ phương tiện trên địa bàn kê khai phí sử dụng đường bộ theo mẫu quy định.

c) Chủ phương tiện thực hiện khai, nộp phí như sau:

- Đối với xe phát sinh từ ngày 01/01 đến ngày 30/6 hàng năm, chủ phương tiện khai nộp phí vào tháng 7 hàng năm (từ ngày 01/7 đến ngày 31/7), cụ thể:

+ Xe đăng ký mới thực hiện khai nộp phí, với mức thu phí bằng 1/2 mức thu năm.

+ Xe đăng ký lần thứ 2 trở đi (xe này đã được đăng ký trước ngày 01/01 của năm đó), nếu xe đó chưa được nộp phí thì chủ phương tiện phải khai nộp phí với mức thu phí cả năm; nếu đã được nộp thì chủ phương tiện chỉ thực hiện nộp Tờ khai phí và không phải nộp phí năm phát sinh.

- Đối với xe phát sinh từ ngày 01/7 đến ngày 31/12 hàng năm, chủ phương tiện khai nộp phí vào tháng 01 năm sau (chậm nhất ngày 31/01): Đối với xe đăng ký lần đầu và xe đăng ký lần 2 trở đi (đã được nộp phí của năm phát sinh) thì chủ phương tiện không phải nộp phí đối với thời gian còn lại của năm phát sinh. Trường hợp đăng ký từ lần thứ 2 trở đi nhưng xe đó chưa được nộp

phí của năm phát sinh thì chủ phương tiện phải thực hiện khai nộp phí bổ sung tiền phí của năm phát sinh, cùng với số phí phải nộp của năm tiếp theo.

- Các năm tiếp theo không có biến động tăng, giảm xe, chủ phương tiện thực hiện nộp phí vào tháng 01 hàng năm (chậm nhất 31/01) mức thu phí 12 tháng cho cơ quan thu phí.

#### **6. Chứng từ thu phí:**

a) Khi thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô, cơ quan thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí theo quy định.

- Sử dụng biên lai thu phí theo mẫu quy định. Biên lai thu phí là loại biên lai in sẵn mệnh giá, được in bằng bìa cứng, kích thước 85,6 mm x 53,98 mm. Biên lai thu phí cho phương tiện thuộc hộ nghèo thuộc diện miễn phí thì dòng mệnh giá được ghi chữ “Hộ nghèo”.

- Cục Thuế tỉnh Tiền Giang có trách nhiệm in, phát hành, hướng dẫn quản lý và sử dụng Biên lai thu phí sử dụng đường bộ theo quy định.

- Biên lai thu phí cho phương tiện thuộc hộ nghèo, cơ quan thu phí cấp cho chủ phương tiện và không thu tiền cấp biên lai.

b) Việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại Biên lai thu phí sử dụng đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **7. Quản lý và sử dụng phí:**

a) Tại các phường, thị trấn, cơ quan thu phí được để lại 10% (mười phần trăm) số phí thu được; tại các xã, cơ quan thu phí được để lại 20% (hai mươi phần trăm) số phí thu được để trang trải chi phí tổ chức thu phí theo quy định.

b) Số tiền còn lại (sau khi trừ chi phí tổ chức thu) được quản lý và sử dụng như sau:

- Đối với các xã: cơ quan thu phí nộp vào ngân sách xã để đầu tư (bao gồm xây dựng, nâng cấp, duy tu, sửa chữa) đường giao thông nông thôn theo Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Đối với các phường, thị trấn: cơ quan thu phí nộp vào tài khoản của Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh Tiền Giang theo quy định hiện hành.

**8. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô:** được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

#### **Điều 2. Xử lý vi phạm**

Trường hợp chủ phương tiện, cơ quan thu phí có hành vi vi phạm các quy định về khai, thu, nộp phí sử dụng đường bộ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài

chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí và các văn bản pháp luật liên quan.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Tiền Giang./.

*Nơi nhận: Luân*

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- CT, các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: LĐVP, Phòng TCTM, các Phòng Nghiên cứu, Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, (Luân). 70

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Kim Mai*